TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ất.

2. Bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thảnh phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thảnh phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thảnh phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST - DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy T: Bà Phan Thị C; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (theo giấy ủy quyền đề ngày 15/6/2020) - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày: Ngày 14/7/2014, bà Trần Thị L có vay của bà C số tiền 160.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có lập và ký giấy vay tiền, nội dung thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 14/7/2014, lãi suất 2%/tháng.

Theo thỏa thuận trên, tính đến ngày 14/01/2015, bà Trần Thị L có trách nhiệm trả đủ số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi hàng tháng cho bà Phan Thị C. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, mặc dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà L liên tục khất nợ, không trả tiền cho bà C.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Trần Thị L đã trả cho bà Phan Thị C tiền lãi từ ngày 14/7/2014 đến hết tháng 9/2016 với số tiền là 160.000.000 x 2%/tháng = 83.200.000 đồng.

Bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L trả cho bà C số tiền gốc vay là 160.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 15/7/2016 đến ngày hết tháng 9/2020 là 48 tháng x 1,66%/tháng x 160.000.000 đồng = 127.488.000 đồng.

***2. Bị đơn bà Trần Thị L trình bày*:** Bà Len thừa nhận có vay của bà Phan Thị C số tiền 160.000.000 đồng vào ngày 14/7/2014, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Tuy nhiên bà L vay giúp cho ông Nguyễn Huy K (ông Khắc là em trai ông Nguyễn Huy T, ông T là chồng của bà C). Do ông K kinh doanh thua lỗ, không có khả năng trả nợ cho bà L, dẫn đến việc bà L không trả nợ cho bà C đúng hẹn như đã thỏa thuận. Chồng bà L là ông Vũ Văn Đ, đã mất năm 1989, không có liên quan đến việc bà L vay tiền của bà C.

Kể từ khi vay bà Trần Thị L trả tiền lãi 2%/tháng trên số tiền vay là 160.000.000 đồng cho bà Phan Thị C từ ngày 14/7/2014 đến hết tháng 9/2016 só tiền là 83.200.000 đồng.

Nay bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền gốc là 160.000.000 đồng, tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/9/2020 là 127.488.000 đồng thì bà L hoàn toàn đồng ý nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, bà L phải đi làm thuê cho người khác, không có điều kiện để trả hết nợ số tiền trên một lần. Bà L có nguyện vọng được trả dần làm nhiều lần cho bà C, khi nào có tiền bà L sẽ trả và không ấn định được thời gian trả nợ.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy T trình bày: Ngày 14/7/2014, bà Trần Thị L có vay của bà Phan Thị C (bà C là vợ của ông T) số tiền 160.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có lập và ký giấy vay tiền,

thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 14/7/2014, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Theo thỏa thuận trên, tính đến ngày 14/01/2015, bà Trần Thị L có trách nhiệm trả đủ số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi hàng tháng cho bà C. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, mặc dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà L liên tục khất nợ, không trả tiền cho bà C.

Bà Trần Thị L đã trả cho bà Phan Thị C được tiền lãi từ ngày 14/7/2014 đến hết tháng 9/2016 với số tiền là 160.000.000 x 2%/tháng = 83.200.000 đồng.

Bà Phan Thị C khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L trả cho bà C số tiền gốc là 160.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/9/2020 là 48 tháng x (1,66%/tháng x 160.000.000 đồng) = 127.488.000 đồng thì ông Nguyễn Huy T hoàn toàn đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị C giữ nguyên khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền gốc là 160.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/9/2020 là 48 tháng x (1,66%/tháng x 160.000.000 đồng) = 127.488.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà L đã có lời khai đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C, buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị C và ông Nguyễn Huy T số tiền số tiền 160.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 14/7/2014, bà Trần Thị L có ký giấy vay với bà Phan Thị C số tiền là 160.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng. Do bà L không trả gốc và lãi suất đúng hạn nên ngày 04/3/2020, bà C khởi kiện bà L yêu cầu trả số tiền gốc vay 160.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa

thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nơi cư trú của bị đơn bà Trần Thị L tại tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà C và bà Trần Thị L ký giấy vay tiền vào ngày 14/7/2014, việc ký giấy vay tiền là hoàn toàn tự nguyện. Giữa bà Phan Thị C, ông Nguyễn Huy T và bà Trần Thị L cùng xác định bà L vay của bà C số tiền 160.000.000 đồng, bà L trả tiền lãi cho bà C từ ngày 14/7/2014 đến hết tháng 9/2016 2%x160.000.000 đồng = 83.200.000 đồng. Số tiền gốc vay 160.000.000 đồng và tiền lãi suất kể từ tháng 10/2016 đến nay bà L chưa trả.

Phía bà Trần Thị L thì cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà L đề nghị được trả dần cho bà Phan Thị C, phía bà C yêu cầu bà L phải trả gốc và lãi một lần và không đồng ý cho bà L trả dần.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị C theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 14/7/2014 được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự về hợp đồng vay tài sản.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Đối với yêu cầu của bà Phan Thị C, ông Nguyễn Huy T với mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền 160.000.000 đồng, đối chiếu theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

…

Phía bà Phan Thị C, ông Nguyễn Huy T yêu cầu bà Trần Thị L phải trả tiền lãi tính từ 01/10/2016 đến nay với mức lãi suất 1.66%/tháng, phía bà L đồng ý mức lãi suất trên, sự thỏa thuận về lãi suất và thời hạn tính lãi là hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cụ thể:

Từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/9/2020 là 48 tháng x 160.000.000 đồng x 1.66%/tháng = 127.448.000 đồng.

Đối với lãi suất bà Trần Thị L đã trả cho bà Phan Thị C từ 14/7/2014 đến hết tháng 9/2016 là 83.200.000 đồng, giữa bà Phan Thị C, ông Nguyễn Huy T và bà Trần Thị L đều không yêu cầu gì phần lãi suất đã trả này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định trên đây Hội đồng xét xử xét thấy: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C, buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị C và ông Nguyễn Huy T tổng cộng số tiền 287.488.000 đồng (*trong đó số tiền gốc là 160.000.000 đồng, tiền lãi là 127.488.000 đồng*).

Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Phan Thị C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 287.488.000 đồng x 5% = 14.374.400 đồng (làm tròn thành 14.374.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C, buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Phan Thị C và ông Nguyễn Huy T tổng cộng số tiền 287.488.000đ (*hai trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng*) trong đó (*tiền gốc vay là 160.000.000 đồng, tiền lãi là 127.488.000 đồng*).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Phan Thị C và ông Nguyễn Huy T có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà bà Trần Thị L không trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số nợ chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả nợ được xác định

theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Trần Thị L phải nộp 14.374.000đ (*mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị C số tiền 6.788.000đ (*sáu triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003443 ngày 16/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP. Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Quy